TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ** Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST Ngày: 12 - 12 - 2025 V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 –THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự;
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐXXST-HN, ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu vực A, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: **Đoàn Văn L**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu vực A, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Thị H (Sau đây gọi bà H) trình bày:

Giữa bà và bị đơn Đoàn Văn L (Sau đây gọi ông L) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông L.

-Về con chung: Có ba người con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu xem xét về quyền nuôi con.

-Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Đoàn Văn L trình bày: Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung. Thừa nhận vợ chồng có bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau nên đã sống ly thân khoảng 3 năm nay. Do chung sống không hạnh phúc nên ông cũng đồng ý lý hôn.

Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành. Về nợ và tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Đoàn Văn L có đơn xin vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L tự nguyện tiến tới đời sống chung như vợ chồng vào năm 1987 nhưng không xác định được ngày, tháng nào mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H: Trong thời gian chung sống giữa bà và ông L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ mà đã chọn cách sống ly thân, xét từ ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, cả bà Hồng và ông L đều đồng ý ly hôn, từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do hôn nhân không đăng ký kết hôn nên khi có yêu cầu ly hôn; Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình: Không công nhận bà H và ông L là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét về quyền nuôi con chung.

[6] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí cho nguyên đơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn L.

2. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005960, ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm

Nơi nhận:
- TAND tp Cần Thơ;
- THADS tp Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13;
-UBND p.Đ, tp Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.